TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 389/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ văn bản số 2408/ĐLTKV-KH ngày 07/12/2023 của Tổng Công ty Điện lực – TKV về việc Tạm Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2023 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-ĐN5 ngày 02/6/2023 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc kiện toàn tổ chuyên gia;

Căn cứ thông báo số 22/2024/TB-MICLDG ngày 11/3/2024 của Công ty bảo hiểm MIC Lâm Đồng về việc tái tục bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ công nhân viên;

Căn cứ Tờ trình ngày 20/3/2024 của Phòng TCHC về việc mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 20 tháng 3 năm 2024 v/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV với nội dung như sau:

1. Giá trị dự toán: **254.485.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo.*

2. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 3/2024;

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 30/3/2024 đến 30/3/2025;

Điều 2: Giao cho Tổ chuyên gia tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hiện hành. Giao cho Tổ chức – Hành chính giám sát nghiệm thu công tác Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 -TKV.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT-VT, Tr.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297... CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 TKV TP.BẢO LỘC-T.LÂM...

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ
MUA BẢO HIỂM SỨC KHỎE NĂM 2024 CHO CBCNV CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV
(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Cộng (VNĐ)	Ghi chú
1	**Phí bảo hiểm theo điều khoản chính**	**Lần**	77	**1.975.000**	**152.075.000**	
2	**Phí bảo hiểm theo điều khoản bổ sung**	**Lần**	77		**102.410.000**	
2.1	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 1 (Hỗ trợ bồi thường do Chết, thương tật vĩnh viễn do bệnh tật, thai sản)	Lần	77	140.000	10.780.000	
2.2	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 2 (Hỗ trợ bồi thường do Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản)	Lần	77	1.190.000	91.630.000	
Tổng cộng					**254.485.000**	

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM
(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMT/Số thẻ bảo hiểm	Giới tính	Chức vụ	Chương trình Bảo hiểm
1	Trần Văn Tuấn	19/03/1984	040084078123	Nam	Giám Đốc	Chương trình 2
2	Trần Thanh Hải	20/04/1991	040091006787	Nam	Phó Giám Đốc	Chương trình 2
3	Trần Việt Anh	05/5/1972	035072004736	Nam	Phó Giám Đốc	Chương trình 2
4	Đỗ Thanh Ngọc	05/07/1964	052064013409	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
5	Đỗ Ngọc Doanh	10/03/1964	036064020688	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
6	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	17/12/1981	034181000510	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
7	Mai Quốc Huy	01/09/1982	038082049495	Nam	NV	Chương trình 2
8	Nguyễn Đức Trung	16/08/1992	034092024010	Nam	NV	Chương trình 2
9	Phan Anh Minh	18/08/1983	068083001980	Nam	NV	Chương trình 2
10	Trần Anh Vũ	20/7/1996	068096004825	Nam	NV	Chương trình 2
11	Lương Trung Kiên	29/03/1984	250529207	Nam	Kế toán trưởng	Chương trình 2
12	Nguyễn Thị Lam	26/09/1990	251354777	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
13	Nguyễn Thị Ái	02/09/1976	034176020253	Nữ	NV	Chương trình 2
14	Nguyễn Thị Bích Liên	04/03/1969	019169010582	Nữ	NV	Chương trình 2
15	Nhữ Trịnh Minh Hiếu	23/04/1991	068191002580	Nữ	NV	Chương trình 2
16	Lê Đình Hùng	27/11/1991	040091020264	Nam	NV	Chương trình 2
17	Nguyễn Văn Tuấn	24/12/1972	034072023961	Nam	Trưởng phòng	Chương trình 2
18	Trần Văn Quý	01/12/1983	024983081	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
19	Lê Ngọc Hà	04/08/1988	063179149	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
20	Nguyễn Thị Thanh	09/06/1985	040185002640	Nữ	NV	Chương trình 2
21	Vũ Duy Dương	26/05/1982	030082022359	Nam	NV	Chương trình 2
22	Nguyễn Thị Phấn	16/06/1990	034190022045	Nữ	NV	Chương trình 2
23	Nguyễn Hữu Trình	12/10/1979	001079046815	Nam	NV	Chương trình 2
24	Phạm Đức Bình	27/12/1983	251182076	Nam	Trưởng phòng	Chương trình 2
25	Nguyễn Thành Trung	18/09/1983	250500847	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
26	Đỗ Văn Nin	15/03/1964	251079259	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
27	Phạm Thúy Hà	07/12/1986	068186003318	Nữ	NV	Chương trình 2
28	Nguyễn Thị Yên	10/10/1973	034173023684	Nữ	NV	Chương trình 2
29	Mai Thị Mỹ Linh	19/08/1994	068194005488	Nữ	NV	Chương trình 2
30	Nguyễn Thị Thanh Hằng	30/05/1987	042187009525	Nữ	NV	Chương trình 2
31	Nguyễn Thị Oanh	16/07/1985	035185008283	Nữ	NV	Chương trình 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMT/Số thẻ bảo hiểm	Giới tính	Chức vụ	Chương trình Bảo hiểm
32	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/06/1978	019178008195	Nữ	NV	Chương trình 2
33	Đỗ Thị Nhẫn	16/07/1982	036182006040	Nữ	NV	Chương trình 2
34	Nguyễn Minh Tấn	14/11/1981	060081002503	Nam	NV	Chương trình 2
35	Phạm Văn Lộc	06/06/1978	037078008456	Nam	Quản đốc PX	Chương trình 2
36	Hà Anh Đức	15/03/1974	034074019500	Nam	Phó quản đốc	Chương trình 2
37	Nguyễn Văn Bổn	01/12/1983	024983081	Nam	Phó quản đốc	Chương trình 2
38	Trần Duy	25/11/1984	245224784	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
39	Phạm Quang Trưởng	02/05/1983	250533879	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
40	Bùi Trung Hiếu	17/12/1981	034181000510	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
41	Nguyễn Phi Vũ	01/09/1982	251099626	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
42	Dương Đức Hùng	29/03/1984	250529207	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
43	K' Brus	07/04/1984	251237070	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
44	Nguyễn Văn Đoàn	05/07/1964	250807020	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
45	Nguyễn Đình Hà	18/09/1983	250500847	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
46	Đỗ Tiến Văn	13/10/1988	251255045	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
47	Nguyễn Thế Mạnh	05/10/1986	251182477	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
48	Nguyễn Văn Bắc	01/07/1988	001088050036	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
49	Nguyễn Như Thái	25/08/1990	040090038271	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
50	Trịnh Bá Bắc	20/08/1991	038091035868	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
51	Trần Văn Trương	14/06/1992	037092009943	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
52	Mai Thế Quyền	30/10/1988	068088008240	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
53	Phạm Văn Dũng	05/10/1986	042086018003	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
54	Nguyễn Quốc Đạo	19/05/1993	035093008908	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
55	Vũ Tá Luân	24/03/1988	067088000033	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
56	Phan Đình Hảo	30/08/1985	042085000619	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
57	Lê Văn Trưởng	10/06/1991	068091005990	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
58	Phạm Tiến Hùng	12/07/1985	068085004630	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
59	Trần Ngọc Minh	03/09/1992	035092015532	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMT/Số thẻ bảo hiểm	Giới tính	Chức vụ	Chương trình Bảo hiểm
60	Ngô Đức Thông	06/8/1990	042090017668	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
61	Nguyễn Văn Trọng	29/12/1992	038092042897	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
62	Đặng Hồng Thái	12/06/1990	042090016513	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
63	Bùi Việt Bắc	01/04/1989	068089007557	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
64	Phan Văn Thương	10/04/1983	040083038631	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
65	Nguyễn Hoàng Anh	14/12/1993	091711206	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
66	Trương Đình Thống	10/12/1991	052091015686	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
67	Lâm Văn Đông	22/6/1986	040086035264	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
68	Lê Quốc Đạt	28/5/1997	042097014459	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
69	Nguyễn Văn Trung	08/06/1975	035075008346	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
70	Trần Ngọc Thạch	21/05/1989	068089004266	Nam	Thị trường điện	Chương trình 2
71	Hoàng Thị Hải Thùy	26/08/1990	042190021692	Nam	Thị trường điện	Chương trình 2
72	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	20/06/1980	091180011545	Nữ	Kỹ thuật viên	Chương trình 2
73	Phạm Tuấn Anh	20/07/1988	064088011016	Nữ	Kỹ thuật viên	Chương trình 2
74	Đinh Xuân Tiệm	15/03/1974	034074019500	Nữ	NV	Chương trình 2
75	Tống Văn Chiến	26/08/1972	038072013679	Nam	NV	Chương trình 2
76	Phạm thị Bích Nhạn	27/10/1992	250922253	Nữ	YT	Chương trình 2
77	Trần Thị Thúy Hằng	13/05/1993	250918899	Nữ	YT	Chương trình 2

PHỤ LỤC 03

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP
Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

(Kèm theo Quyết định số QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT 6
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ 6
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất 6
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại 6
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất 7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất 7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất 10
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất 10
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất 11
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất 7
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp 12
Mục 11. Hợp đồng 12
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ 13
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU 14

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024;

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

4. Loại hợp đồng: Trọn gói;

5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: *Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.*

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.

2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:

- Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.

3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động bảo hiểm sức khỏe cho người lao động do cấp có thẩm quyền cấp như: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động (Bản sao có chứng thực);
- Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về bảo hiểm sức khỏe có giá trị tối thiểu 250.000.000 đồng; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định (bản sao có xác nhận của nhà cung cấp).

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.

2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình

thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá **là 40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề

xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **..... giờ 00 phút ngày ..... tháng ..... năm 2024**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **..... giờ 00 phút ngày ..... tháng ..... năm 2024**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadn5@gmail.com. không muộn hơn **.....giờ 00 phút ngày ..... tháng ..... năm 2024.**

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà

cung cấp đế xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp úng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	**Phí bảo hiểm theo điều khoản chính**	**Lần**	77	
2	**Phí bảo hiểm theo điều khoản bổ sung**	**Lần**	77	
2.1	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 1 (Hỗ trợ bồi thường do Chết, thương tật vĩnh viễn do bệnh tật, thai sản)	Lần	77	
2.2	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 2 (Hỗ trợ bồi thường do Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản)	Lần	77	

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày:_____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]*

Tên gói dịch vụ: _____ *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hô sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói .....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....*[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ.....*[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là.*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là .....

[Ghì thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cẩu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cáp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghì ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

Ngày:_____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên dịch vụ:_____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Cộng (VNĐ)	Ghi chú
1	**Phí bảo hiểm theo điều khoản chính**	**Lần**	**77**			
2	**Phí bảo hiểm theo điều khoản bổ sung**	**Lần**	**77**			
2.1	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 1 (Hỗ trợ bồi thường do Chết, thương tật vĩnh viễn do bệnh tật, thai sản)	Lần	77			
2.2	Phí bảo hiểm điều khoản bổ sung 2 (Hỗ trợ bồi thường do Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản)	Lần	77			
Tổng cộng						

(Bằng chữ:

Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí liên quan.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:_____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*

Tên gói:_____ *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

1.Địa điểm thực hiện:

2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:

3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:

4. Thanh toán:

5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

Mẫu số 04

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*

Tên gói: _____ *[Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mẫu số 05

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: /2024/HĐSXKD-ĐN5
V/v Thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CNBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Căn cứ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 27/6/2005;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /3/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng đã được bên mời nhà cung cấp và nhà cung cấp ký ngày /3/2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày tháng 3 năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CBCNV Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên;

Hôm nay ngày tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Chúng tôi gồm các bên sau:

Bên A: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Địa chỉ: số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Điện thoại: 0263.3976888 Fax: 0263.3974888

Tài khoản: 112000166536 tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Bảo Lộc;

Mã số thuế: 0104297034007

Đại diện Ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện bà: Chức vụ

Hai bên đã tiến hành thương thảo và thống nhất các nội dung trong hợp đồng như sau :

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI HẠN BẢO HIỂM

1.1. Đối tượng bảo hiểm: 77 thành viên của Bên mua bảo hiểm (Theo Danh sách đính kèm) trong độ tuổi từ 12 tháng tuổi đến 60 tuổi. Bên bảo hiểm không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm trả tiền bảo hiểm đối với:

1.1.1. Những người bị bệnh bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên;

1.1.2. Những người bị bệnh bị bệnh lý về thần kinh, tâm thần, phong;

1.1.3. Những người bị bệnh ung thư hoặc đang phải điều trị dài hạn các bệnh bao gồm:

- Các bệnh viêm hệ thần kinh trung ương (não), teo hệ thống ảnh hưởng lên hệ thần kinh trung ương (bệnh Huntington, mất điều vận động di truyền, teo cơ cột sống và hội chứng liên quan), rối loạn vận động ngoài tháp (Parkinson, rối loạn trương lực cơ, rối loạn vận động và ngoại tháp khác), Alzheimer, hội chứng Apalic/mất trí nhớ, động kinh, hôn mê, các bệnh bại não và hội chứng liệt khác;
- Bệnh suy phổi, tràn khí phổi; bệnh mạch máu não/đột quỵ và các hậu quả/di chứng của bệnh này; Viêm gan mãn tính các loại, xơ gan; Đái tháo đường từ cấp độ 2 trở lên;
- Thiếu máu bất sản, rối loạn đông máu, bệnh khác của máu và cơ quan tạo máu, ghép tủy;
- Bệnh Lupus ban đỏ, xơ cứng bì toàn thân, xơ cứng rải rác, xơ cứng tiểu bì tiến triển/cột bên teo cơ, loạn dưỡng cơ và biến chứng của các bệnh này, Penphygus, vẩy nến, mề đay dị ứng mãn (có điều trị bằng kháng nguyên của nước ngoài);
- Các bệnh suy tủy, bạch cầu, điều trị lọc máu, chạy thận nhân tạo và hậu quả hay biến chứng của các bệnh này.

Trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp sai thông tin người tham gia bảo hiểm thì hồ sơ bồi thường sẽ bị từ chối và phí bảo hiểm chỉ được hoàn lại nếu nhân viên chưa phát sinh bồi thường trước khi MIC phát hiện ra việc khai báo sai sót.

1.2. Phạm vi bảo hiểm: Là tính mạng, sức khỏe của Người được bảo hiểm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật, thai sản, tai nạn.

1.3. Thời hạn bảo hiểm: Từ 07h00 ngày 30/3/2024 đến 07h00 ngày 30/3/2025.

ĐIỀU 2. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM

2.1.Các Bên tham gia Hợp đồng này thỏa thuận áp dụng Quy tắc bảo hiểm Tai nạn nhóm, sức khỏe nhóm ban hành kèm theo Quyết định số 65, 67/2016/QĐ-MIC, ngày 01/01/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC).

2.2.Loại trừ bảo hiểm:

2.2.1. Các bộ phận/thiết bị y tế hỗ trợ điều trị, các bộ phận hay thiết bị được đặt/cấy/trồng vào bất cứ bộ phận nào của cơ thể để hỗ trợ cho chức năng hoạt động của bộ phận đó, hay các dụng cụ y tế dùng để hỗ trợ cho việc điều trị hoặc phẫu thuật, bao gồm nhưng không giới hạn máy hỗ trợ tim, dao cắt trĩ theo phương pháp mổ longo, stent trong phẫu thuật nong động mạch,

các dụng cụ hỗ trợ chức năng vận động như nạng, xe đẩy, thiết bị trợ thính, kính thuốc và các dụng cụ chỉnh hình mang tính chất thẩm mỹ khác...

2.2.2. Sử dụng đĩa đệm, nẹp, vis cố định vào cơ thể.

2.2.3. Điều trị tại phòng mạch Bác sỹ tư, phòng nha tư nhân không có giấy phép hành nghề và không cung cấp được chứng từ/hóa đơn tài chính theo quy định của luật pháp kể cả chi phí dưới 200.000 đồng.

2.2.4. Các điều trị mang tính chất thẩm mỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở việc điều trị tăng sắc tố (nám da), điều trị mụn, trứng cá, điều trị chứng rụng tóc…

2.2.5. Điều trị kiểm soát trọng lượng cơ thể (tăng hoặc giảm cân).

2.2.6. Thực phẩm chức năng, các chất bổ sung hoặc thay thế phục vụ cho việc ăn kiêng có sẵn trong tự nhiên và có thể mua được mà không cần chỉ định, bao gồm nhưng không giới hạn với các loại vitamin, khoáng chất và các chất hữu cơ (trừ trường hợp các loại vitamin có chỉ định của bác sỹ và chi phí cho các loại thuốc này không lớn hơn chi phí thuốc điều trị).

2.2.7. Loại trừ bảo hiểm với phương pháp điều trị bằng ánh sáng xanh.

2.2.8. Loại trừ bảo hiểm điều trị bất thường sinh hóa và chuyển hóa cơ thể như: tăng lipit máu, men gan cao, nông độ canxi thấp và các tình trạng tương tự…

2.2.9. Và các điểm loại trừ được xác định trên cơ sở áp dụng văn bản được lựa chọn theo khoản 2.1 Điều này.

2.3.Lưu ý: MIC chỉ đồng ý chi trả chi phí mua thuốc điều trị được kê không quá 30 ngày theo chỉ định của bác sỹ.

2.4.Thời gian chờ:

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Thời gian chờ
1	Tai nạn	0 ngày
2	Điều trị hoặc tử vong do bệnh thông thường	30 ngày đối với người mới tham gia năm đầu. 0 ngày đối với người tham gia các năm liên tục.
3	Bệnh viêm phế quản, tiểu phế quản, viêm phổi các loại đối với trẻ em dưới 6 tuổi	180 ngày đối với người mới tham gia năm đầu. 0 ngày đối với người tham gia các năm liên tục
4	Điều trị hoặc tử vong do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn	365 ngày đối với người mới tham gia năm đầu. 0 ngày đối với người tham gia các năm liên tục
5	Tử vong do biến chứng thai sản	365 ngày đối với người mới tham gia năm đầu. 0 ngày đối với người tham gia các năm liên tục
6	Điều trị tái tạo dây chằng, rách sụn chêm	365 ngày đối với người mới tham gia năm đầu. 0 ngày đối với người tham gia các năm liên tục
7	Điều trị biến chứng thai sản	Không áp dụng thời gian chờ, quyền lợi bảo hiểm được thanh toán như sau: Quyền lợi bảo hiểm được thanh toán theo tỷ lệ giữa thời gian

		tính từ ngày gia nhập bảo hiểm đến ngày bắt đầu điều trị thai sản với 60 ngày. đối với người mới tham gia năm đầu
8	Sinh đẻ (sinh thường, sinh mổ)	Không áp dụng thời gian chờ, quyền lợi bảo hiểm được thanh toán như sau: Quyền lợi bảo hiểm được thanh toán theo tỷ lệ giữa thời gian tính từ ngày gia nhập bảo hiểm đến ngày sinh với 270 ngày. đối với người mới tham gia năm đầu

ĐIỀU 3. SỐ TIỀN BẢO HIỂM, PHÍ BẢO HIỂM

3.1. Số tiền bảo hiểm được xác định theo Phụ lục I đi kèm Hợp đồng này.

3.2. Phí bảo hiểm được xác định cụ thể:

STT	Cấp/nhóm	Số lượng người được bảo hiểm (người)	Phí bảo hiểm/người/năm (đồng)	Tổng phí/cấp, nhóm (đồng)
1	1	77		
	TỔNG CỘNG			

(Bằng chữ:.....)

- Việc hoàn phí bảo hiểm, việc thay đổi phí bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm được xác định theo các Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm được dẫn chiếu tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 4. THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM

4.1. Phí bảo hiểm được Bên mua bảo hiểm thanh toán đủ, đúng thời hạn bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên bảo hiểm:

Chủ tài khoản: .....

Số tài khoản: .....

Tại Ngân hàng: .....

Trường hợp thanh toán phí 1 lần:

Số tiền: **VND** *(Bằng chữ: .....)*;

Thời hạn thanh toán: Không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm, trước ngày 30/4/2024

4.2. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực và phí bảo hiểm chưa đến hạn thanh toán mà xảy ra sự kiện bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm phải có trách nhiệm nộp toàn bộ tổng số phí bảo hiểm còn lại của Hợp đồng này cho Bên bảo hiểm trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm nhưng không vượt quá thời hạn thanh toán phí đến hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng, trước khi Bên bảo hiểm xem xét bồi thường. Trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, phí bảo hiểm có thể được Bên bảo hiểm xem xét, khấu trừ vào giá trị bồi thường khi Bên bảo hiểm tiến hành trả tiền bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

4.3. Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đầy đủ phí bảo hiểm cho Bên bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm như quy định nêu trên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực

bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán.

4.4. Trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại Khoản 4.3 nêu trên, nếu sau đó Bên mua bảo hiểm có văn bản yêu cầu khôi phục hiệu lực của Hợp đồng, với điều kiện chưa có bất cứ tổn thất nào xảy ra kể từ thời điểm hợp đồng bảo hiểm tự chấm dứt hiệu lực đến thời điểm khôi phục hiệu lực của Hợp đồng, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm đến hạn thanh toán theo quy định và được Bên bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản.

4.5. Bên bảo hiểm sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất phát sinh và hoàn trả lại Bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm tương ứng trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.

ĐIỀU 5. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1.Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.

5.2.Giá hợp đồng: **..... VND** *(Bằng chữ: ……). Giá trị đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục đính kèm.*

5.2. Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

+ Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

+ Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

- Số lần thanh toán:

- Tạm ứng: Bên B không tạm ứng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ các giấy tờ sau:

+ Đề nghị thanh toán của Bên B.

+ Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán và bảng tính giá trị đề nghị thanh toán.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.

+ Hóa đơn tài chính.

+ Cấp Đơn bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm;

ĐIỀU 6. THỦ TỤC CHẤP NHẬN BẢO HIỂM

6.1. Bên mua bảo hiểm quyết định các điều khoản bảo hiểm chính, điều khoản bảo hiểm bổ sung để kê khai trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

6.2. Bên mua bảo hiểm cung cấp thêm những giấy tờ, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Bên bảo hiểm trên cơ sở các quy định của pháp luật, bao gồm cả các thông tin về nhân thân của Người được bảo hiểm trong Danh sách Người được bảo hiểm.

ĐIỀU 7. TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

7.1. Bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho MIC ngay khi có thể thực hiện được đối với bất kỳ sự kiện nào có thể làm phát sinh khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm, người thụ hưởng, người được ủy quyền phải gửi Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, bao gồm:

7.1.1. Giấy yêu cầu trả tiền bảo hiểm phải được Người được bảo hiểm điền đầy đủ thông tin và ký tên đầy đủ; đồng thời phải được người đại diện Đơn vị được bảo hiểm ký và đóng dấu xác nhận;

7.1.2. Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bản sao (trích) danh sách người được bảo hiểm;

7.1.3. Các Chứng từ khám chữa bệnh bao gồm: Y bạ, Giấy khám, Giấy nhập viện, Giấy ra viện, Phiếu thanh toán ra viện, Đơn thuốc, Phiếu mổ/Giấy chứng nhận phẫu thuật, Phiếu đọc X quang, Phim chụp X-quang (nếu có) và những giấy tờ khác. Những chứng từ này phải có tên bác sỹ, người điều trị, loại bệnh, chi tiết các mục điều trị và ngày điều trị tùy theo từng trường hợp và có dấu của bệnh viện hoặc cơ sở khám chữa bệnh;

7.1.4. Trong trường hợp việc điều trị được thực hiện bởi bác sỹ tư, đơn thuốc, giấy tờ khác phải ghi rõ số giấy phép hành nghề và địa chỉ phòng khám;

7.1.5. Các hoá đơn gốc thể hiện toàn bộ chi phí thực tế và hợp lý, hợp lệ để khám chữa bệnh và điều trị. Các hóa đơn này phải là hóa đơn hợp pháp do Bộ Tài chính quy định và sẽ được dùng làm căn cứ xét chi trả bảo hiểm;

7.1.6. Bản sao bằng lái xe máy/ôtô (trường hợp tai nạn phát sinh khi người được bảo hiểm đang điều khiển xe máy/ô tô);

7.1.7. Biên bản tai nạn có xác nhận của đại diện cơ quan/tổ chức/đơn vị chủ quản của người được bảo hiểm/bên mua bảo hiểm, xác nhận của chính quyền địa phương, Cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn (trường hợp bị tai nạn); Biên bản tai nạn giao thông của Cơ quan Công an (trường hợp tai nạn giao thông) theo quy định của pháp luật;

7.1.8. Giấy chứng tử (trường hợp người được bảo hiểm tử vong);

7.1.9. Giấy tờ xác nhận quyền thừa kế hợp pháp, trong trường hợp Người thụ hưởng là người thừa kế;

7.1.10. Giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật, trong trường hợp Người được bảo hiểm không trực tiếp làm thủ tục, nhận Số tiền bảo hiểm;

7.1.11. Các giấy tờ, tài liệu khác theo yêu cầu của Bên bảo hiểm.

7.2. Các cách thức trả tiền bảo hiểm:

7.2.1. Với trường hợp Bên bảo hiểm trực tiếp thanh toán cho cơ sở y tế.

Trong trường hợp sử dụng dịch vụ bảo lãnh viện phí, Các chi phí điều trị hợp lý phát sinh tại các cơ sở y tế sẽ được Bên bảo hiểm thanh toán cho cơ sở y tế theo giới hạn quyền lợi và phạm vi bảo hiểm mà Người được bảo hiểm tham gia. (Danh sách hệ thống bảo lãnh viện phí của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC theo Phụ lục 02 đính kèm).

7.2.2. Với trường hợp Bên bảo hiểm chi trả bảo hiểm cho Người thụ hưởng. Số tiền bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng hoặc Người được ủy quyền hợp pháp.

7.3. Trả tiền bảo hiểm:

7.3.1. Thời hạn trả tiền bảo hiểm của Bên bảo hiểm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu chi trả bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ trừ trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ;

7.3.2. Trường hợp từ chối trả tiền bảo hiểm, Bên bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm biết lý do từ chối trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

8.1. Quyền của Bên mua bảo hiểm:

8.1.1. Yêu cầu Bên bảo hiểm giải thích các Điều kiện, Điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm;

8.1.2. Yêu cầu Bên bảo hiểm chi trả bảo hiểm, bồi thường theo các văn bản, thỏa thuận đã được xác lập;

8.1.3. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này, các Quy tắc, điều khoản bảo hiểm được áp dụng và quy định pháp luật.

8.2. Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm:

8.2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

8.2.2. Kê khai, cung cấp đầy đủ, trung thực mọi chi tiết, chứng từ, tài liệu, thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và rủi ro được bảo hiểm;

8.2.3. Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của Bên bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bên bảo hiểm;

8.2.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này, các Quy tắc, điều khoản bảo hiểm được áp dụng và quy định pháp luật.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BẢO HIỂM

9.1. Quyền của Bên bảo hiểm:

9.1.1. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm áp dụng đầy đủ biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất;

9.1.2. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm thực hiện các nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm;

9.1.3. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này, các Quy tắc, điều khoản bảo hiểm được áp dụng và quy định pháp luật;

9.1.4. Từ chối trả tiền bồi thường bảo hiểm và đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm có hành vi gian dối hồ sơ bảo hiểm. Trong trường hợp này Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian dối.

9.2. Nghĩa vụ của Bên bảo hiểm:

9.2.1. Cấp Đơn bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm;

9.2.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này, các Quy tắc, điều khoản bảo hiểm được áp dụng và quy định pháp luật.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

10.1.Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.2.Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng:

10.2.1. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;

10.2.2. Bên mua bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này;

10.2.3. Hết thời hạn bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;

10.2.4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy tắc bảo hiểm được áp dụng.

ĐIỀU 11. THỎA THUẬN KHÁC

11.1.Hai Bên cam kết đã xem xét kỹ, hiểu rõ, chấp nhận và thực hiện đúng toàn bộ nội dung của Hợp đồng này và các Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm kèm theo.

11.2.Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp thì hai bên cùng chủ động hợp tác giải quyết. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì đưa ra Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở chính nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của bị đơn nếu bị đơn là cá nhân để giải quyết.

11.3.Trường hợp có mâu thuẫn, có sự ghi nhận khác nhau về cùng một nội dung giữa Quy tắc áp dụng với Hợp đồng này (và các bộ phận cấu thành của Hợp đồng), thì các Bên thỏa thuận ưu tiên áp dụng Hợp đồng này và các bộ phận cấu thành Hợp đồng.

11.4.Hợp đồng này được làm thành 03 (ba) bản, bên mua bảo hiểm giữ 02 (hai) bản bên bảo hiểm giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN MUA BẢO HIỂM	**BÊN BẢO HIỂM**
Trần Văn Tuấn	

PHỤ LỤC 01: SỐ TIỀN BẢO HIỂM, PHÍ BẢO HIỂM
Kèm theo hợp đồng Số: /2024/HĐSXKD-ĐN5
V/v Thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe năm 2024 cho CNBCNV
Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Đơn vị: VNĐ

STT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Chương trình 2
	PHẠM VI ĐỊA LÝ	**Việt Nam**
PHẦN I - ĐIỀU KHOẢN CHÍNH		
I	**BẢO HIỂM TAI NẠN**	**140.000.000**
1	Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	140.000.000
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	140.000.000
4	Chi phí y tế	70.000.000
II	**BẢO HIỂM SỨC KHỎE - ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT, THAI SẢN**	**70.000.000**
1	**Viện phí tổng hợp (60 ngày/năm), bao gồm:** a. Tiền giường, tiền phòng, tiền ăn theo tiêu chuẩn tại bệnh viện. Đối với bệnh viện quốc tế, tiền phòng được giới hạn ở phòng đôi tiêu chuẩn (không phải phòng đặc biệt); b. Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt (phòng điều trị tích cực); c. Chi phí hành chính, chi phí máu, huyết tương; d. Thuốc và dược phẩm sử dụng trong khi nằm viện; e. Băng, nẹp thông thường và bột; f. Vật lý trị liệu (nếu những chi phí này là cần thiết trong quá trình điều trị nằm viện theo chỉ định của bác sĩ); g. Tiêm truyền tĩnh mạch; h. Xét nghiệm hoặc chẩn đoán bằng hình ảnh như X-quang, MRI, CT, PET (các chi phí xét nghiệm này phải do bác sĩ chỉ định là biện pháp cần thiết để đánh giá tình trạng bệnh và phải là một phần cuả chi phí điều trị nằm viện (điều trị nội trú và điều trị trong ngày);	2.400.000 đồng/ngày trong đó giới hạn tiền giường 950.000 đồng/ngày)
2	Phẫu thuật (Bao gồm phẫu thuật trong ngày, tiểu phẫu)	70.000.000
3	Thay ghép cơ quan trong cơ thể	70.000.000
4	Điều trị trước nhập viện (30 ngày trước nhập viện)	3.450.000
5	Điều trị sau xuất viện (30 ngày sau xuất viện)	3.450.000
6	Y tá chăm sóc tai nhà	3.450.000
7	Dưỡng nhi	460.000
8	Trợ cấp nằm viện/ngày	70.000
9	Trợ cấp nằm viện/ngày trường hợp điều trị tại Bệnh viện công (Loại trừ: Khoa điều trị tự nguyện, Khoa yêu cầu, Khoa quốc tế tại Bệnh viện công)	140.000

STT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Chương trình 2
10	Mai táng phí	2.300.000
11	Thai sản: Chi trả theo hạn mức mục (1), (2), (4) đến (10), trong đó:	
11.1	- Sinh thường	5.000.000
11.2	- Sinh mổ	7.000.000
11.3	- Biến chứng thai sản	5.000.000
12	Vận chuyển khẩn cấp	7.000.000
PHẦN II - ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG		
1	**ĐKBS 1 - Chết, thương tật vĩnh viễn do bệnh tật, thai sản**	**70.000.000**
2	**ĐKBS 2 - Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản**	**7.000.000**
2.1	Chi phí điều trị ngoại trú/lần khám, 10 lần khám/năm, bao gồm: - Chi phí khám bệnh; - Chi phí thuốc men theo kê toa của Bác sĩ; - Chi phí chụp X – Quang, xét nghiệm, trị liệu học bức xạ, các liệu pháp ánh sáng do bác sỹ chỉ định và cần thiết cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh (Loại trừ điều trị thẩm mỹ bằng ánh sáng xanh).	1.190.000
2.2	Hạn mức vật lý trị liệu/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	120.000
2.3	Hạn mức điều trị răng cơ bản, bao gồm: - Khám và chẩn đoán bệnh; - Chụp X-quang; - Điều trị viêm nướu (thối nướu răng); - Trám răng (amalgam hoặc composite); - Điều trị tủy răng; - Nhổ răng bệnh lý.	1.190.000
2.4	Hạn mức khám thai định kỳ	470.000

PHÍ BẢO HIỂM:

		Chương trình 2
1	**PHẦN I - ĐIỀU KHOẢN CHÍNH**	
2	**PHẦN II - ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG**	
2.1	ĐKBS 1 - Chết, thương tật vĩnh viễn do bệnh tật, thai sản	
2.2	ĐKBS 2 - Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản	
TỔNG PHÍ		

PHỤ LỤC 02:
DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

(Kèm theo Hợp đồng số /HĐSXKD-ĐN5 ngày /3/2024)

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMT/Số thẻ bảo hiểm	Giới tính	Chức vụ	Chương trình Bảo hiểm
1	Trần Văn Tuấn	19/03/1984	040084078123	Nam	Giám Đốc	Chương trình 2
2	Trần Thanh Hải	20/04/1991	040091006787	Nam	Phó Giám Đốc	Chương trình 2
3	Trần Việt Anh	05/5/1972	035072004736	Nam	Phó Giám Đốc	Chương trình 2
4	Đỗ Thanh Ngọc	05/07/1964	052064013409	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
5	Đỗ Ngọc Doanh	10/03/1964	036064020688	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
6	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	17/12/1981	034181000510	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
7	Mai Quốc Huy	01/09/1982	038082049495	Nam	NV	Chương trình 2
8	Nguyễn Đức Trung	16/08/1992	034092024010	Nam	NV	Chương trình 2
9	Phan Anh Minh	18/08/1983	068083001980	Nam	NV	Chương trình 2
10	Trần Anh Vũ	20/7/1996	068096004825	Nam	NV	Chương trình 2
11	Lương Trung Kiên	29/03/1984	250529207	Nam	Kế toán trưởng	Chương trình 2
12	Nguyễn Thị Lam	26/09/1990	251354777	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
13	Nguyễn Thị Ái	02/09/1976	034176020253	Nữ	NV	Chương trình 2
14	Nguyễn Thị Bích Liên	04/03/1969	019169010582	Nữ	NV	Chương trình 2
15	Nhữ Trịnh Minh Hiếu	23/04/1991	068191002580	Nữ	NV	Chương trình 2
16	Lê Đình Hùng	27/11/1991	040091020264	Nam	NV	Chương trình 2
17	Nguyễn Văn Tuấn	24/12/1972	034072023961	Nam	Trưởng phòng	Chương trình 2
18	Trần Văn Quý	01/12/1983	024983081	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
19	Lê Ngọc Hà	04/08/1988	063179149	Nữ	Phó phòng	Chương trình 2
20	Nguyễn Thị Thanh	09/06/1985	040185002640	Nữ	NV	Chương trình 2
21	Vũ Duy Dương	26/05/1982	030082022359	Nam	NV	Chương trình 2
22	Nguyễn Thị Phấn	16/06/1990	034190022045	Nữ	NV	Chương trình 2
23	Nguyễn Hữu Trình	12/10/1979	001079046815	Nam	NV	Chương trình 2
24	Phạm Đức Bình	27/12/1983	251182076	Nam	Trưởng phòng	Chương trình 2
25	Nguyễn Thành Trung	18/09/1983	250500847	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
26	Đỗ Văn Nin	15/03/1964	251079259	Nam	Phó phòng	Chương trình 2
27	Phạm Thúy Hà	07/12/1986	068186003318	Nữ	NV	Chương trình 2
28	Nguyễn Thị Yên	10/10/1973	034173023684	Nữ	NV	Chương trình 2
29	Mai Thị Mỹ Linh	19/08/1994	068194005488	Nữ	NV	Chương trình 2
30	Nguyễn Thị Thanh Hằng	30/05/1987	042187009525	Nữ	NV	Chương trình 2
31	Nguyễn Thị Oanh	16/07/1985	035185008283	Nữ	NV	Chương trình 2
32	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/06/1978	019178008195	Nữ	NV	Chương trình 2
33	Đỗ Thị Nhẫn	16/07/1982	036182006040	Nữ	NV	Chương trình 2
34	Nguyễn Minh Tấn	14/11/1981	060081002503	Nam	NV	Chương trình 2
35	Phạm Văn Lộc	06/06/1978	037078008456	Nam	Quản đốc PX	Chương trình 2
36	Hà Anh Đức	15/03/1974	034074019500	Nam	Phó quản đốc	Chương trình 2
37	Nguyễn Văn Bổn	01/12/1983	024983081	Nam	Phó quản đốc	Chương trình 2
38	Trần Duy	25/11/1984	245224784	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
39	Phạm Quang Trưởng	02/05/1983	250533879	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
40	Bùi Trung Hiếu	17/12/1981	034181000510	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
41	Nguyễn Phi Vũ	01/09/1982	251099626	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2
42	Dương Đức Hùng	29/03/1984	250529207	Nam	Trưởng ca	Chương trình 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMT/Số thẻ bảo hiểm	Giới tính	Chức vụ	Chương trình Bảo hiểm
43	K' Brưs	07/04/1984	251237070	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
44	Nguyễn Văn Đoàn	05/07/1964	250807020	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
45	Nguyễn Đình Hà	18/09/1983	250500847	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
46	Đỗ Tiến Văn	13/10/1988	251255045	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
47	Nguyễn Thế Mạnh	05/10/1986	251182477	Nam	Trưởng kíp	Chương trình 2
48	Nguyễn Văn Bắc	01/07/1988	001088050036	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
49	Nguyễn Như Thái	25/08/1990	040090038271	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
50	Trịnh Bá Bắc	20/08/1991	038091035868	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
51	Trần Văn Trương	14/06/1992	037092009943	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
52	Mai Thế Quyền	30/10/1988	068088008240	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
53	Phạm Văn Dũng	05/10/1986	042086018003	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
54	Nguyễn Quốc Đạo	19/05/1993	035093008908	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
55	Vũ Tá Luân	24/03/1988	067088000033	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
56	Phan Đình Hảo	30/08/1985	042085000619	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
57	Lê Văn Trưởng	10/06/1991	068091005990	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
58	Phạm Tiến Hùng	12/07/1985	068085004630	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
59	Trần Ngọc Minh	03/09/1992	035092015532	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
60	Ngô Đức Thông	06/8/1990	042090017668	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
61	Nguyễn Văn Trọng	29/12/1992	038092042897	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
62	Đặng Hồng Thái	12/06/1990	042090016513	Nam	Điều hành viên	Chương trình 2
63	Bùi Việt Bắc	01/04/1989	068089007557	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
64	Phan Văn Thương	10/04/1983	040083038631	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
65	Nguyễn Hoàng Anh	14/12/1993	091711206	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
66	Trương Đình Thống	10/12/1991	052091015686	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
67	Lâm Văn Đông	22/6/1986	040086035264	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
68	Lê Quốc Đạt	28/5/1997	042097014459	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
69	Nguyễn Văn Trung	08/06/1975	035075008346	Nam	Sửa chữa	Chương trình 2
70	Trần Ngọc Thạch	21/05/1989	068089004266	Nam	Thị trường điện	Chương trình 2
71	Hoàng Thị Hải Thùy	26/08/1990	042190021692	Nam	Thị trường điện	Chương trình 2
72	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	20/06/1980	091180011545	Nữ	Kỹ thuật viên	Chương trình 2
73	Phạm Tuấn Anh	20/07/1988	064088011016	Nữ	Kỹ thuật viên	Chương trình 2
74	Đinh Xuân Tiệm	15/03/1974	034074019500	Nữ	NV	Chương trình 2
75	Tống Văn Chiến	26/08/1972	038072013679	Nam	NV	Chương trình 2
76	Phạm thị Bích Nhạn	27/10/1992	250922253	Nữ	YT	Chương trình 2
77	Trần Thị Thúy Hằng	13/05/1993	250918899	Nữ	YT	Chương trình 2